

TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP
BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN

*

Số 202-CV/BTGDVTU

Gửi tài liệu Hội nghị

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: - Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Các huyện uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ.

Thực hiện Kế hoạch số 333-KH/TU ngày 09/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị Chuyên đề "về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia" (*gọi tắt là Hội nghị*) bằng hình thức trực tiếp tại Tỉnh và trực tuyến đến các điểm cầu địa phương, đơn vị.

Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ gửi tài liệu Hội nghị đến Văn phòng Tỉnh uỷ, các huyện uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ để cung cấp cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc và đại biểu tham dự Hội nghị nghiên cứu, học tập.

(Có tài liệu kèm theo).

Đề nghị các địa phương, đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu BTGDVTU + PLLCTKGVH (PĐH).

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Kim Tuyến

TỈNH ỦY ĐỒNG THÁP
---o0o---

CHUYÊN ĐỀ
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Đồng Tháp, tháng 5 năm 2025

Chuyên đề
VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Tiến sĩ Nguyễn Quân, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Trước hết, cần nhấn mạnh rằng phát triển khoa học và công nghệ luôn được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm trong suốt thời kỳ đổi mới. Minh chứng điển hình là Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (*Nghị quyết số 20-NQ/TW*), Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị khóa XIII về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (*Nghị quyết số 52-NQ/TW*), Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, bên cạnh việc khẳng định khoa học và công nghệ "là quốc sách hàng đầu" đã đặt ra nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ; Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 đã thể chế hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW tạo hành lang pháp lý cho khoa học và công nghệ phát triển với nhiều cơ chế, chính sách mới phù hợp với nền kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế... Nhưng sau nhiều năm triển khai thực hiện, các chủ trương, chính sách này vẫn chậm được thể chế hóa, chưa phát huy được tác dụng thúc đẩy quá trình đổi mới, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế còn chậm và chưa bền vững. Vấn đề là ở chỗ cơ chế thực thi để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống còn rất yếu kém, tư duy của hệ thống quản lý chậm đổi mới, dẫn tới các giải pháp bị vô hiệu hóa hoặc thực hiện không triệt để. Vì vậy, cho đến nay có thể nói khoa học và công nghệ Việt Nam vẫn chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, chưa tương xứng với vai trò "nền tảng, động lực" và "quốc sách hàng đầu" như kỳ vọng.

Giờ đây, trong bối cảnh của cách mạng chuyển đổi số, lần đầu tiên tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*Nghị quyết số 57-NQ/TW*), khoa học, công nghệ cùng với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã được đặt lên vị trí "là đột phá quan trọng hàng đầu" với những mục tiêu quan trọng cùng các giải pháp quyết liệt chưa từng có. Đây cũng là một nghị quyết của Đảng được thể chế hóa khá khẩn trương, ngay sau khi Nghị quyết số 57-NQ/TW được ban hành, ngày 12/01/2025, Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW đến tất cả cán bộ, đảng viên và các cơ quan quản lý; Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với

140 nhiệm vụ cụ thể giao cho các bộ, ngành thực hiện. Và Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 (*Nghị quyết số 193/2025/QH15*) về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, thể chế hóa một số nội dung cấp bách và quan trọng nhất của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Điểm đột phá đầu tiên của Nghị quyết số 57-NQ/TW đó là Đảng ta đã đặt ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và 2045 ở mức cao để Việt Nam có thể trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao. Chẳng hạn, đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 03 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; nhóm 03 nước dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế. Đến 2045, Việt Nam có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50%, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Đây là những mục tiêu rất khó, muốn đạt được đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực rất lớn.

Điểm đột phá thứ hai là Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định phải tăng đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, đến 2030, kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ đầu tư xã hội chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Đây là một mục tiêu khá thách thức nếu chúng ta nhìn lại tình hình đầu tư nhiều năm qua, chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ giảm dần và thường dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước, không năm nào đạt mức mà Nghị quyết số 20-NQ/TW và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 quy định. Còn nguồn đầu tư của xã hội chủ yếu đến từ đầu tư của các doanh nghiệp, do nhu cầu tự thân của doanh nghiệp cần đổi mới công nghệ và tạo sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp đã quy định doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế, trong đó doanh nghiệp nhà nước buộc phải trích tối thiểu 3% thu nhập tính thuế để đầu tư cho R&D thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhưng do bất cập của cơ chế quản lý nên đến nay hầu hết doanh nghiệp không thực hiện quy định này. Việc tăng đầu tư theo Nghị quyết số 57-NQ/TW sẽ tiệm cận với mức đầu tư như các nước phát triển, qua đó tạo động lực cho cộng đồng các nhà khoa học Việt Nam và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia, nhưng để đạt được mức đầu tư cao như vậy đòi hỏi phải có chế tài và biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, thậm chí phải dỡ bỏ mức trần 10% thu nhập tính thuế để trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và quy định cơ chế quản lý quỹ của doanh nghiệp thông thoáng hơn,

vì doanh nghiệp Việt Nam hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cần nguồn tài chính lớn để chuyển đổi số và đổi mới công nghệ.

Điểm đột phá thứ ba là Nghị quyết số 57-NQ/TW đã có đột phá về tư duy trong quản lý đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động R&D. Theo đó, ngân sách chỉ cho nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ ưu tiên thực hiện theo cơ chế quỹ, thông qua các quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Tư duy này đã được đề cập tại Nghị quyết số 20-NQ/TW và đã được thể chế hóa trong Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, nhưng hơn 10 năm qua gần như chúng ta không làm được điều này, bởi bộ máy quản lý tài chính vẫn duy trì tư duy cũ, không quan tâm đến tính đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ, đầu tư cho nó như lĩnh vực xây dựng cơ bản. Ví dụ quy định hiện nay là ngân sách chỉ được cấp cho nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước và thuộc danh mục các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách nhà nước năm trước, vì vậy các nhà khoa học phải chờ đợi hằng năm mới được cấp kinh phí cho nhiệm vụ đã được đề xuất và được phê duyệt. Lần này, Nghị quyết số 57-NQ/TW đã quy định rất cụ thể và nếu có sự chỉ đạo quyết liệt, chắc chắn sẽ tạo ra sự thay đổi. Bởi cơ chế quỹ là một thông lệ quốc tế, nghĩa là ngân sách nhà nước tài trợ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ...) sẽ được phân bổ trực tiếp cho các quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo mức vốn điều lệ và khả năng bố trí nguồn ngân sách hằng năm. Kinh phí từ các quỹ sẽ được cấp kịp thời theo tiến độ phê duyệt nhiệm vụ, được chuyển nguồn tự động và được quyết toán một lần khi kết thúc hợp đồng nghiên cứu. Cách làm này đáp ứng tính thời sự của hoạt động nghiên cứu, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà khoa học và phù hợp thông lệ quốc tế.

Điểm đột phá thứ tư là Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định "chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo". Bởi lâu nay các cơ quan quản lý và dư luận xã hội đều quan niệm các nhiệm vụ nghiên cứu được nhà nước tài trợ phải thành công 100%, và nếu không thành công sẽ bị coi là lãng phí, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Nhưng thực tế làm nghiên cứu là phải tìm ra cái mới, vì thế luôn tiềm ẩn khả năng thất bại, và ngay cả các nước phát triển thì tỷ lệ các đề tài thành công được áp dụng vào thực tiễn cũng chỉ khoảng 20 - 30%. Đó cũng là lý do các nước phát triển có hệ thống quỹ đầu tư mạo hiểm và có văn hóa chấp nhận thất bại trong nghiên cứu, nhờ vậy họ mới có được các doanh nghiệp kỳ lân, các tập đoàn công nghệ với nhiều sản phẩm công nghệ cao. Với quy định mang tính đổi mới tư duy này của Nghị quyết số 57-NQ/TW chắc chắn sẽ khuyến khích các nhà khoa học dám nghĩ, dám làm, dám nhận nhiệm vụ khi tiếp cận với nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Bởi họ yên tâm rằng nếu thất bại họ sẽ được miễn trừ trách nhiệm, cũng như có được bài học kinh nghiệm để giúp họ tránh được thất bại trong các nhiệm vụ tiếp theo.

Điểm đột phá cuối cùng chính là tính khả thi trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Lần đầu tiên người đứng đầu Đảng ta trực tiếp làm Trưởng ban Chỉ đạo thực hiện nghị quyết và bên cạnh Ban Chỉ đạo còn có Hội đồng tư vấn gồm các nhà quản lý và các nhà khoa học có trình độ và uy tín. Đây là cách làm khắc phục nhược điểm của các giai đoạn trước đây, khi các Ban Chỉ đạo thường chỉ bao gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, không đủ quyền lực trong hệ thống chính trị và nặng tư duy nhiệm kỳ. Để nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đòi hỏi phải có sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị chứ không chỉ cơ quan hành pháp, phải thay đổi tư duy của cả bộ máy quản lý từ Trung ương đến địa phương, phải xây dựng hành lang pháp lý đầy đủ có tính khoa học và thực tiễn đối với các quy định mới mang tính đột phá, phải được sự ủng hộ của mọi tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp, phải phù hợp với thông lệ quốc tế. Đây là một quá trình lâu dài, phức tạp cần có sự chỉ đạo xuyên suốt và quyết liệt từ người lãnh đạo cao nhất của quốc gia, không giới hạn trong một vài nhiệm kỳ, phải tập hợp được trí tuệ của tầng lớp tinh hoa trong nước và quốc tế.

Nhân đây cũng xin nói thêm về một nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW khi xác định "nhà khoa học là nhân tố then chốt", cùng các giải pháp để thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước. Đặc biệt, trong bối cảnh chúng ta đang triển khai nhiều dự án lớn quan trọng, như đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, tái khởi động dự án điện hạt nhân, các dự án vi mạch bán dẫn, thì nếu không có những nhà khoa học chủ trì để hình thành tập thể khoa học mạnh, chắc chắn chúng ta không thể thành công. Đây không phải là vấn đề mới, mà nhiều năm qua chúng ta đã nhận thức được vai trò của nhà khoa học trong phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 20-NQ/TW cũng đã xác định "có chính sách trọng dụng đặc biệt đối với cán bộ khoa học và công nghệ đầu ngành, cán bộ khoa học và công nghệ được giao chủ trì nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, cán bộ khoa học và công nghệ trẻ tài năng", song thực tế gần như chúng ta chưa làm được gì, do vướng mắc lớn nhất là bị cản trở bởi quy định của nhiều luật khác nhau. Để nhà khoa học thực sự là nhân tố then chốt, cần phải có các cơ chế, chính sách trọng dụng, đãi ngộ họ tốt hơn và khả thi hơn. Nghị quyết số 57-NQ/TW đã nêu ra được nhiều giải pháp quan trọng, để thực hiện thì Ban Chỉ đạo cần quan tâm đồng bộ không chỉ chế độ đãi ngộ tiền lương và thu nhập mà quan trọng hơn là tạo điều kiện làm việc và môi trường sáng tạo, tức là phải tin tưởng, đặt hàng giao nhiệm vụ cho nhà khoa học, đầu tư cơ sở vật chất tốt nhất, hợp tác quốc tế thuận lợi nhất, cho họ quyền tự chủ cao nhất về tài chính, tổ chức, nhân sự, kể cả việc cho họ được quyền thành lập và điều hành doanh nghiệp khoa học và công nghệ dựa trên kết quả nghiên cứu, giúp hình thành các tập thể mạnh trong hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Muốn vậy, chúng ta phải rà soát sửa đổi một loạt các luật có liên quan, ví dụ như: Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý và sử dụng

tài sản công, Luật Viên chức, các luật thuế..., để có các cơ chế chính sách thực sự đột phá, tạo thuận lợi cho nhà khoa học.

Xin nói thêm một chút về Nghị quyết số 193/2025/QH15. Một số nội dung quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW đã được thể chế hóa kịp thời trong Nghị quyết số 193/2025/QH15, đó là cho phép các tổ chức khoa học và công nghệ thành lập doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, cho phép viên chức khoa học và công nghệ được tham gia góp vốn và điều hành doanh nghiệp do tổ chức khoa học và công nghệ thành lập. Đây là quy định tiệm cận với thông lệ quốc tế và vượt qua tư duy cũ của Luật Viên chức. Nghị quyết số 193/2025/QH15 cũng đề cập đến việc giao quyền sử dụng, quyền sở hữu kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước mà không cần làm thủ tục giao quyền (cơ chế mặc định) nhưng tiếc là mới chỉ dừng ở việc giao quyền cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ nghiên cứu chứ chưa giao quyền cho người trực tiếp tạo ra kết quả nghiên cứu, đồng thời chưa quy định rõ việc giao quyền định giá tài sản trí tuệ cho nhà khoa học khi chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp. Đặc biệt, Nghị quyết số 193/2025/QH15 lần đầu tiên quy định việc miễn trừ trách nhiệm dân sự cho nhà khoa học và tổ chức khoa học và công nghệ khi thất bại trong nghiên cứu do nguyên nhân khách quan, đây là tư duy chấp nhận rủi ro, mạo hiểm trong hoạt động khoa học và công nghệ, điều làm cho các nhà khoa học trước nay không dám mạnh dạn nhận các nhiệm vụ nghiên cứu mới và khó. Đồng thời, Nghị quyết số 193/2025/QH15 cũng nhắc lại cơ chế khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, một cơ chế nhằm giảm bớt thủ tục hành chính tạo điều kiện cho nhà khoa học tập trung vào công tác chuyên môn đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước từ năm 2015 nhưng chưa được áp dụng rộng rãi.

Nhiều người nói rằng các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW đặt ra khá cao và thách thức, nhưng tôi hy vọng vẫn có tính khả thi bởi chúng ta đã có quá trình hơn 10 năm triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW và Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW và Chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tức đã có sự khởi đầu thuận lợi mang tính nền tảng cả về lý luận và thực tiễn, tư duy đổi mới quản lý khoa học công nghệ đã phần nào được chuẩn bị và đáp ứng, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm trong tổ chức triển khai Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 52-NQ/TW, biết rõ nguyên nhân chưa thành công và định vị được giải pháp khắc phục yếu kém trong chỉ đạo điều hành. Một số chỉ tiêu chúng ta đang dần tiệm cận, như với chỉ số TFP hiện đã đạt trên 35%, chỉ số năng lực đổi mới sáng tạo toàn cầu GII năm 2024 đã đạt vị trí

44/138 quốc gia và vị trí thứ 2/33 quốc gia thu nhập trung bình thấp, tỷ trọng kinh tế số đạt gần 18% GDP. Hơn nữa chúng ta lại có Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 03/NQ-CP kịp thời cho phép làm thí điểm và cụ thể hóa các quy định của Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đây là cơ sở quan trọng để chúng ta có niềm tin Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số sẽ được thực hiện thành công.
